

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 25-6-2025

V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lại Thị Thu Hà;
- Bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Tuyết N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số A đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Mạnh S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn E, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Trụ sở: Tòa nhà CC5, khu bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn yêu cầu: Bà Chảnh Khánh Quỳnh L – chức vụ: Phó giám đốc PGD Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền: Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C; Quyết định số 111A/QĐ-NHCS ngày 12/9/2023 của

Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Bà Chưởng Khánh Quỳnh L vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Lưu Thị Tuyết N trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, chị và anh Hà Mạnh S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, tuy nhiên có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09 tháng 5 năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm việc tại thôn E, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2024 thì xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xô xát, anh S thường xuyên chơi bời, không chăm lo làm ăn kinh tế. Chị cũng cố gắng hàn gắn tình cảm với anh S nhưng không thể được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, chị xác định không còn tình cảm với anh S, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ giữa năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung tên là: Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trường hợp sau này không thỏa thuận được thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị N không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Hà Mạnh S trình bày tại biên bản lấy lời khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng anh hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn thì anh không đồng ý vì vợ chồng anh vẫn đang hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 (một) con chung tên là: Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008. Khi ly hôn, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh S không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng C trình bày tại đơn yêu cầu đề ngày 28/5/2025 thì:

Căn cứ hồ sơ công nợ của anh Hà Mạnh S và chị Lưu Thị Tuyết N, địa chỉ: thôn E, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách

xã hội huyện C. Người đứng tên vay vốn là anh Hà Mạnh S, người ủy quyền là chị Lưu Thị Tuyết N, vay vốn chương trình cho vay Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 20.000.000đ, ngày vay là 14/09/2021 (Có hồ sơ vay vốn kèm khế ước nhận nợ chi tiết đính kèm). Tính đến ngày 28/05/2025, gia đình anh Hà Mạnh S và chị Lưu Thị Tuyết N còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C (ủy thác qua Hội cựu chiến binh xã M) số tiền nợ gốc là 18.000.000đ và tiền lãi là 63.000đ; tổng cộng: 18.063.000đ.

Nay anh Hà Mạnh S và chị Lưu Thị Tuyết N giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, trong đó có phân chia tài sản liên quan đến phương án vay vốn tại Phòng C. Phòng C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết về số nợ mà gia đình anh Hà Mạnh S và chị Lưu Thị Tuyết N đã vay của Ngân hàng C, buộc anh Hà Mạnh S và chị Lưu Thị Tuyết N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 18.063.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Đến ngày 24/6/2025, Phòng C có đơn xin rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt các bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Lưu Thị Tuyết N, xử cho chị Lưu Thị Tuyết N được ly hôn với anh Hà Mạnh S. Về con chung, đề nghị giao con chung là Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008 cho chị Lưu Thị Tuyết N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, việc Phòng C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, Phòng C.

Về án phí: buộc chị Lưu Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn anh Hà Mạnh S cư trú tại: thôn E, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị Tuyết N và anh Hà Mạnh S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/5/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo kết quả xác minh thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S và chị N là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh S và chị N đã sống ly thân nhau. Chị N xác định không còn tình cảm với anh S nên cương quyết xin ly hôn. Mặc dù, anh S không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh S tham gia phiên họp hòa giải nhưng anh S vắng mặt, điều này chứng tỏ anh S không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Do đó, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N xử cho chị N được ly hôn với anh S là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Chị N và anh S xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Còn anh S không có ý kiến hay yêu cầu gì. Xét thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N là phù hợp. Bởi lẽ, hiện con chung vẫn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên cần giao con chung tên là Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Chị N và anh S xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về nợ chung:* Chị N xác định không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C có đơn yêu cầu độc lập buộc anh S, chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 18.063.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngày 19/6/2025, chị N xuất trình cho Tòa án phiếu thu ngày 19/6/2025, thể hiện chị N đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C số tiền là 14.892.000đ. Đồng thời, đến ngày 24/6/2025, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C có đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập trên là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc chị N phải chịu 30.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lưu Thị Tuyết N, xử cho chị Lưu Thị Tuyết N được ly hôn với anh Hà Mạnh S.

2. Giao con chung tên là Hà Lưu T1, sinh ngày 09/7/2008 cho chị Lưu Thị Tuyết N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Hà Mạnh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng C về việc buộc anh Hà Mạnh S, chị Lưu Thị Tuyết N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 18.063.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Buộc chị Lưu Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005257 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Lưu Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh